**MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẰM PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC ĐÁP ỨNG MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH VĨNH LONG ĐẾN NĂM 2030**

*PGS.TS Đỗ Phú Trần Tình*

*Viện trưởng Viện Phát triển chính sách ĐHQG-HCM*

**Tóm tắt:**

Tỉnh Vĩnh Long đang quyết tâm trở thành trung tâm nông nghiệp công nghệ cao, sinh thái; một trong những trung tâm kinh tế nông nghiệp và là động lực kinh tế của vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) vào năm 2030, với các ngành chủ lực như nông nghiệp công nghệ cao, du lịch sinh thái, thương mại và công nghiệp chế biến. Để hiện thực hóa mục tiêu này thì nguồn nhân lực chất lượng cao đóng vai trò quyết định sự thành công. Bài viết sẽ phân tích thực trạng nguồn nhân lực, các thách thức trong quá trình phát triển nguồn nhân lực nói chung và nguồn nhân lực chất lượng cao nói riêng của tỉnh, từ đó đề xuất các giải pháp về đào tạo, thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng mục tiêu phát triển đến năm 2030 của tỉnh.

***Từ khóa:*** *nguồn nhân lực, phát triển kinh tế, tỉnh Vĩnh Long.*

**1. Đặt vấn đề**

Tỉnh Vĩnh Long, nằm ở vị trí chiến lược trong vùng ĐBSCL, đang hướng tới mục tiêu trở thành động lực phát triển kinh tế cho toàn khu vực vào năm 2030. Việc xác định các ngành kinh tế mũi nhọn như nông nghiệp công nghệ cao, du lịch sinh thái, thương mại, và công nghiệp chế biến thể hiện sự nhạy bén trong chiến lược phát triển của tỉnh. Để hiện thực hóa mục tiêu này thì nguồn nhân lực chất lượng cao đóng vai trò quyết định sự thành công. Hơn nữa, trong bối cảnh CMCN 4.0 và chuyển đổi số mạnh mẽ hiện nay, nguồn nhân lực được coi là trụ cột trung tâm, là “chìa khóa” để mở ra cơ hội tăng trưởng bền vững. Nguồn nhân lực chất lượng cao không chỉ giúp nâng cao năng suất lao động, cải thiện chất lượng sản phẩm và dịch vụ, mà còn thúc đẩy chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế.

Đối với tỉnh Vĩnh Long, thời gian qua dù đã có những thành tựu trong đào tạo nguồn nhân lực nhưng với xu hướng phát triển các các ngành mới như nông nghiệp sinh thái, thông minh, tuần hoàn gắn liền với công nghệ cao, du lịch sinh thái - Homestay, du lịch cộng đồng, thương mại điện tử, công nghiệp hỗ trợ … Những ngành này đòi hỏi kiến thức chuyên sâu với những yêu cầu về kỹ năng sáng tạo, khả năng nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, cùng năng lực quản lý và lãnh đạo. Do vậy, nếu không có sự chuẩn bị tỉnh Vĩnh Long có thể đối mặt với sự thiếu hụt nghiêm trọng nguồn nhân lực phục vụ các ngành trên.

**2. Định hướng phát triển một số ngành chủ yếu của tỉnh Vĩnh Long tầm nhìn đến năm 2030**

Vĩnh Long đặt mục tiêu đến năm 2030 trở thành một tỉnh nông nghiệp công nghệ cao, sinh thái, đồng thời là trung tâm kinh tế nông nghiệp chủ lực của vùng ĐBSCL. Điểm nhấn của định hướng này nằm ở việc xây dựng một hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối liên vùng hiệu quả, đảm bảo sự phát triển toàn diện cả về kinh tế, xã hội và chất lượng sống của người dân. Đây là một mục tiêu chiến lược thể hiện tầm nhìn dài hạn trong việc định hình một mô hình phát triển bền vững, cân bằng giữa tăng trưởng và bảo vệ môi trường.

Các nhiệm vụ trọng tâm được thiết kế nhằm tối ưu hóa nguồn lực và thúc đẩy các đột phá phát triển. Đáng chú ý là việc cải cách hành chính mạnh mẽ, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Đồng thời, tỉnh định hướng chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu kinh tế theo hướng xanh, tuần hoàn, và số hóa. Trọng tâm này sẽ mang lại hiệu quả kinh tế, mở ra cơ hội ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên ba trụ cột: kinh tế số, xã hội số, chính quyền số. Đây chính là động lực quan trọng giúp tỉnh hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu.

*Đối với ngành nông nghiệp*, tỉnh đang chuyển dần tư duy sản xuất truyền thống tư duy kinh tế nông nghiệp. Tỉnh định hướng phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ và tuần hoàn, gắn liền với ứng dụng công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu. Những vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn được xây dựng, kết nối với công nghiệp chế biến theo chuỗi giá trị, đồng thời chú trọng xây dựng thương hiệu sản phẩm để nâng cao giá trị gia tăng. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi linh hoạt theo vùng miền, cùng với nghiên cứu và phát triển các giống cây trồng chất lượng cao, hứa hẹn đưa Vĩnh Long trở thành trung tâm sản xuất giống cây trồng hàng đầu của khu vực. Ngành chăn nuôi và thủy sản cũng được định hướng theo hướng công nghiệp hóa, công nghệ cao, bảo đảm an toàn thực phẩm và đáp ứng nhu cầu thị trường ngày càng đa dạng. Để đáp ứng định hướng phát triển trên, ngành nông nghiệp Vĩnh Long cần bổ sung các lao động nghề mới như kỹ sư nông nghiệp công nghệ cao, chuyên gia quản lý chuỗi giá trị nông sản, chuyên gia về nông nghiệp hữu cơ và tuần hoàn, kỹ thuật viên bảo đảm an toàn thực phẩm, chuyên viên nghiên cứu và phát triển giống cây trồng, cùng với đội ngũ chuyên viên ứng dụng công nghệ số trong sản xuất và quản lý nông nghiệp. Những lao động này sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai các mô hình sản xuất hiện đại, phát triển sản phẩm nông nghiệp có giá trị cao và thích ứng linh hoạt với biến đổi khí hậu cũng như yêu cầu của thị trường.

 *Đối với ngành công nghiệp*, cũng không ngoài xu thế đổi mới, với trọng tâm là phát triển công nghiệp chế biến sâu gắn với vùng nguyên liệu tập trung, đồng thời phát triển công nghiệp hỗ trợ thân thiện với môi trường. Tỉnh ưu tiên thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có công nghệ hiện đại, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và đảm bảo phát triển bền vững. Để đạt được những mục tiêu phát triển này, nhu cầu về các lao động nghề mới ngày càng tăng. Các ngành công nghiệp chế biến, công nghệ môi trường và công nghệ sản xuất thông minh sẽ đòi hỏi lực lượng lao động có trình độ cao trong các lĩnh vực như kỹ sư công nghệ chế biến, chuyên gia công nghệ môi trường, và kỹ thuật viên điều khiển tự động hóa. Các khu công nghiệp và cụm công nghiệp sử dụng công nghệ hiện đại và thân thiện với môi trường cũng cần những chuyên gia về quản lý tài nguyên bền vững, kỹ sư năng lượng tái tạo và các chuyên gia tư vấn phát triển bền vững, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp hiệu quả và bền vững.

*Đối với ngành dịch vụ, tỉnh* ưu tiên phát triển theo hướng hiện đại, bền vững và hiệu quả. Trong lĩnh vực thương mại, tỉnh đầu tư mạnh mẽ vào kết cấu hạ tầng, thương mại điện tử và logistics nhằm nâng cao năng lực kết nối chuỗi cung ứng, hỗ trợ lưu thông hàng hóa, xuất nhập khẩu. Các trung tâm thương mại, siêu thị hiện đại được xây dựng, cùng với việc cải tạo và nâng cấp chợ truyền thống, đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Ngành du lịch tiếp tục phát triển với trọng tâm là các sản phẩm đặc sắc như du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và du lịch lịch sử - văn hóa. Thương hiệu *“Vĩnh Long - Đệ nhất homestay”* đang dần khẳng định vị thế trên bản đồ du lịch vùng và quốc gia, trong khi các dự án bảo tồn và phát triển như khu lò gạch huyện Mang Thít hay Bảo tàng Nông nghiệp vùng ĐBSCL đang được đẩy mạnh để tạo điểm nhấn khác biệt. Với sự phát triển mạnh mẽ của các ngành dịch vụ, tỉnh cần chú trọng đến việc đào tạo và phát triển các lao động nghề mới, đặc biệt là trong lĩnh vực thương mại điện tử, logistics, và du lịch bền vững. Cụ thể, yêu cầu về lao động chuyên môn trong các lĩnh vực như quản trị chuỗi cung ứng, phân tích dữ liệu thương mại điện tử, và quản lý điểm đến du lịch cộng đồng ngày càng gia tăng. Bên cạnh đó, cần phát triển các nghề mới như thiết kế và vận hành các hệ thống vận tải thông minh, quản lý và bảo tồn di sản văn hóa, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành này theo hướng hiện đại và bền vững.

**3. Thực trạng nguồn nhân lực tỉnh Vĩnh Long trong giai đoạn 2019 – 2023**

Lực lượng lao động của tỉnh Vĩnh Long trong giai đoạn 2019-2023 cho thấy sự ổn định, mặc dù có sự giảm nhẹ vào năm 2021 do tác động của Đại dịch Covid-19. Cụ thể, tổng lực lượng lao động của tỉnh trong năm 2023 đạt 590,3 nghìn người, chiếm khoảng 6,18% tổng lực lượng lao động của ĐBSCL (Bảng 1).

**Bảng 1. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo địa phương**

|  | **2019** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ĐBSCL *(nghìn người)* | 10.102,1 | 9.898,9 | 9.361,4 | 9.485,2 | 9.547,9 |
| *Trong đó: tỉnh Vĩnh Long* | *622,4* | *603,6* | *584,0* | *582,9* | *590,3* |
| Tỷ lệ của tỉnh Vĩnh Long so với vùng ĐBSCL *(%)* | 6,16 | 6,10 | 6,24 | 6,15 | 6,18 |

 *(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê, 2024)*

Tuy nhiên, tỷ lệ lao động phi chính thức dù đã giảm từ 77,7% xuống 75,6% trong giai đoạn trên, nhưng tỷ lệ này vẫn còn cao hơn mức trung bình chung của cả nước. Mặt khác, khi so với vùng ĐBSCL thì tỉnh Vĩnh Long có tỷ lệ thấp hơn hẳn (Hình 1). Điều này cho thấy dù có sự cải thiện trong việc chuyển dịch cơ cấu lao động chính thức và phi chính thức, nhưng tỉnh vẫn cần tiếp tục đẩy mạnh việc tạo ra các cơ hội việc làm chính thức và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

**Hình 1. Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức phân theo địa phương**

*(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2024)*

Về tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên theo trình độ chuyên môn kỹ thuật (CMKT) tính đến ngày 01/4/2024, tỉnh Vĩnh Long có 83,2% dân số từ 15 tuổi trở lên không có trình độ CMKT, 4,3% trình độ sơ cấp, 2,4% trình độ trung cấp, 2,1% trình độ cao đẳng, 8,0% trình độ đại học trở lên (Hình 2). Qua đó, ta có thể thấy rằng, tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có trình độ CMKT dù cao hơn trung bình chung của vùng ĐBSCL nhưng vẫn còn khá thấp, thấp hơn trung bình chung của cả nước.

**Hình 2. Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên theo**

**trình độ CMKT tính đến ngày 01/4/2024**

(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2024)

Đáng chú ý, năng suất lao động của tỉnh Vĩnh Long đã có sự cải thiện đáng kể trong giai đoạn 2019-2023, từ 89,11 triệu đồng/lao động lên 133,22 triệu đồng/lao động vào năm 2023 (Hình 3). Tuy nhiên, mặc dù tỉnh đã đạt được sự tiến bộ rõ rệt trong lĩnh vực này, nhưng vẫn còn khoảng cách lớn so với mức trung bình cả nước, cho thấy cần tập trung hơn vào việc nâng cao trình độ nguồn nhân lực, khoa học công nghệ và cải thiện chất lượng sản xuất để thu hẹp khoảng cách. Trong đó, ngành có năng suất lao động cao nhất là ngành kinh doanh bất động sản với 4.207,05 triệu đồng/lao động, và ngành có năng suất lao động thấp nhất là ngành khai khoáng với 34,81 triệu đồng/lao động.

**Hình 3. Năng suất lao động phân theo địa phương**

*(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2024)*

Bên cạnh đó, thu nhập bình quân đầu người của tỉnh cũng có sự chuyển biến rõ rệt theo hướng tăng nhưng vẫn còn khá thấp. Đến năm 2022, thu nhập bình quân 01 tháng của người lao động trong doanh nghiệp tỉnh Vĩnh Long chỉ đạt 8.711 nghìn đồng/tháng/lao động và có sự chênh lệch lớn giữa các địa phương và trong các ngành kinh tế. Trong đó, địa phương có thu nhập bình quân 01 tháng của người lao động trong doanh nghiệp cao nhất và thấp nhất lần lượt là Huyện Long Hồ (9.917 nghìn đồng/tháng/lao động) và Huyện Tam Bình (5.236 nghìn đồng/tháng/lao động). Bên cạnh đó, ngành có thu nhập bình quân 01 tháng của người lao động trong doanh nghiệp cao nhất là ngành nghệ thuật, vui chơi và giải trí với 19.034 nghìn đồng/tháng/lao động, và ngành có thu nhập bình quân 01 tháng của người lao động trong doanh nghiệp thấp nhất là ngành kinh doanh bất động sản với 3.656 nghìn đồng/tháng/lao động.

Về tỷ lệ thất nghiệp, Vĩnh Long duy trì cao hơn cả nước. Đặc biệt, trong năm 2021 khi đại dịch tác động mạnh, tỷ lệ thất nghiệp của tỉnh đạt 3,32%. Đến năm 2023, tỷ lệ này giảm xuống 2,85%.

**Bảng 2. Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm phân theo địa phương**

*(Đơn vị: %)*

| **Tỉnh / Khu vực** | **2019** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Tỷ lệ thất nghiệp*** |
| Cả nước | 2,17 | 2,48 | 3,20 | 2,34 | 2,28 |
| ĐBSCL | 2,90 | 2,82 | 4,05 | 2,76 | 2,82 |
| Vĩnh Long | 2,63 | 2,67 | 3,32 | 2,88 | 2,85 |
| ***Tỷ lệ thiếu việc làm*** |
| Cả nước | 1,50 | 2,52 | 3,10 | 2,21 | 2,01 |
| ĐBSCL | 2,78 | 3,47 | 4,33 | 3,61 | 2,88 |
| Vĩnh Long | 4,90 | 4,71 | 5,26 | 4,86 | 5,00 |

*(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê, 2024)*

Hơn nữa, tỷ lệ thiếu việc làm tại Vĩnh Long vẫn là một vấn đề lớn khi luôn duy trì ở mức cao hơn cả nước và ĐBSCL trong suốt giai đoạn 2019-2023. Đặc biệt, vào năm 2021, tỷ lệ thiếu việc làm của tỉnh đạt 5,26%, cao hơn gần gấp đôi mức trung bình của cả nước. Mặc dù tỷ lệ này đã giảm xuống 5,00% vào năm 2023, nó vẫn phản ánh thách thức lớn trong việc tạo ra việc làm bền vững cho người lao động. Vì vậy, tỉnh cần đẩy mạnh các chính sách hỗ trợ việc làm chất lượng cao và nâng cao năng lực lao động để giải quyết vấn đề thiếu việc làm và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

**4. Những thách thức về nhân lực của tỉnh Vĩnh Long đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030**

Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh Vĩnh Long đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận, tuy nhiên, vẫn tồn tại những hạn chế và bất cập liên quan đến nguồn nhân lực chất lượng cao.

*Thứ nhất,* tỉnh Vĩnh Long có chỉ số Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (chỉ số PII) khá thấp so với cả nước. Năm 2024, chỉ số PII của Vĩnh Long đạt 32,40, xếp hạng 41 toàn quốc, giảm 12 bậc so với năm 2023. Tỷ lệ nhân lực nghiên cứu toàn thời gian chỉ đạt 12,67 người/10.000 dân, trong khi chi ngân sách cho nghiên cứu và phát triển chiếm một tỷ lệ khá khiêm tốn, chỉ vỏn vẹn 0,12% GRDP. Với số tổ chức khoa học công nghệ chỉ 0,08 trên 10.000 dân, Vĩnh Long đối diện sự thiếu hụt rõ nét về đội ngũ chuyên gia và hạ tầng nghiên cứu.

*Thứ hai*, công tác xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển nhân lực tại tỉnh Vĩnh Long vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt trong việc phát triển hệ thống giáo dục đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp. Tỷ lệ sinh viên theo học các trường từ trung cấp trở lên chỉ đạt 233 sinh viên/10.000 dân, thấp so với nhu cầu phát triển nhân lực trong tương lai. Trong giai đoạn 2013-2023, tỉnh đã tuyển sinh 97.707 sinh viên đại học, 3.785 học viên cao học và 09 nghiên cứu sinh (Giang & Tiến, 2023), nhưng hệ thống giáo dục đại học và cao đẳng vẫn thiếu các chuyên ngành phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

Các chương trình đào tạo đại học của tỉnh vẫn thiếu sự đổi mới, chưa đáp ứng xu hướng phát triển mới. Các ngành tại Trường Đại học Xây dựng Miền Tây như Kỹ thuật xây dựng, Kiến trúc và Quản lý đô thị mặc dù có tính ứng dụng cao nhưng chưa thật sự phù hợp với các dự án lớn như đường sắt cao tốc hay công trình năng lượng tái tạo trong tương lai. Bên cạnh đó, Trường Đại học Cửu Long, dù đa dạng ngành đào tạo, vẫn thiếu các ngành tiên tiến như nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, blockchain, trí tuệ nhân tạo và du lịch bền vững. Do đó, tỉnh cần điều chỉnh chiến lược phát triển giáo dục đại học và tăng cường đào tạo các ngành học mới, nhằm tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Ngoài ra, hệ thống giáo dục tại tỉnh đang đối mặt với thách thức lớn về tuyển sinh và giảng dạy, với sự giảm sút đáng kể về số lượng trường và sinh viên ở các cấp trung cấp và cao đẳng trong giai đoạn 2019-2024, trong khi số lượng sinh viên đại học lại tăng mạnh từ 11.872 lên 26.069 sinh viên.

**Bảng 3. Biến động về số lượng trường học, giảng viên và sinh viên tại các cấp trung cấp, cao đẳng và đại học tỉnh Vĩnh Long**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **2019-2020** | **2020-2021** | **2021-2022** | **2022-2023** | **2023-2024** |
| Trung cấp | Số trường | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Số giảng viên | 30 | 21 | 21 | 24 | 24 |
| Số sinh viên | 3.202 | 2.473 | 3.252 | 2.119 | 1.848 |
| Số sinh viên tuyển mới | 1.826 | 1.362 | 2.013 | 1.089 | 1.131 |
| Số sinh viên tốt nghiệp | 810 | 710 | 1.600 | 405 | 763 |
| Cao đẳng | Số trường | 4 | 3 | 3 | 2 | 2 |
| Số giảng viên | 396 | 351 | 377 | 156 | 148 |
| Số sinh viên | 1.276 | 983 | 1.088 | 966 | 828 |
| Số sinh viên tuyển mới | 374 | 512 | 496 | 285 | 282 |
| Số sinh viên tốt nghiệp | 273 | 230 | 428 | 112 | 249 |
| Đại học | Số trường | 3 | 4 | 4 | 4 | 4 |
| Số giảng viên | 790 | 1.123 | 1.232 | 1.307 | 1.687 |
| Số sinh viên | 11.872 | 15.845 | 18.153 | 18.492 | 26.069 |
| Số sinh viên tuyển mới | 2.489 | 5.046 | 5.634 | 6.086 | 9.511 |
| Số sinh viên tốt nghiệp | 1.694 | 2.481 | 4.976 | 3.625 | 3.995 |

*(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Vĩnh Long năm 2023, NXB Thống kê, 2024)*

*Thứ ba*, tỉnh Vĩnh Long đang đối mặt với sự thiếu hụt nguồn học sinh, sinh viên ưu tú. Học sinh có học lực giỏi thường có xu hướng lựa chọn các trường đại học tại TP.HCM, trong khi một tỷ lệ nhỏ chọn học tại TP. Cần Thơ, và những học sinh có học lực trung bình hoặc kém hơn lại chọn học tại các cơ sở trong tỉnh, dẫn đến tình trạng “chảy máu chất xám”. Nguyên nhân chủ yếu là chất lượng đào tạo nguồn nhân lực tại Vĩnh Long còn hạn chế, không đủ sức thu hút học sinh giỏi. Điều này làm gia tăng tình trạng thiếu hụt nhân lực chất lượng cao, ảnh hưởng lớn đến khả năng cạnh tranh và sự phát triển bền vững của tỉnh trong tương lai.

*Thứ tư*, tỉnh Vĩnh Long đang đối mặt với tình trạng thiếu hụt nhân lực chất lượng cao, với chỉ 16,80% lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật từ sơ cấp trở lên tính đến 01/4/2024. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo tại khu vực thành thị giảm mạnh từ 32,33% năm 2015 xuống còn 25,10% năm 2023, trong khi khu vực nông thôn chỉ tăng nhẹ 2,82% (13,30% năm 2023). Sự mất cân đối giữa lực lượng lao động thành thị và nông thôn (78,23% lao động nông thôn năm 2023) cùng với sự chênh lệch giữa các ngành nghề càng làm vấn đề trở nên nghiêm trọng. Đặc biệt, 42,00% lao động vẫn làm việc trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, trong khi các ngành khác có tỷ lệ thấp. Mặc dù tỉnh Vĩnh Long hướng tới phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nhưng lực lượng lao động chủ yếu là lao động phổ thông, thiếu kỹ năng và chuyên môn, gây khó khăn trong việc triển khai các mô hình nông nghiệp công nghệ cao.

 *Cuối cùng,* chính sách thu hút nhân tài của tỉnh Vĩnh Long tuy đã được quan tâm nhưng vẫn còn trong phạm vi hẹp, chưa lan tỏa rộng rãi đến các ngành kinh tế khác, và kết quả thu hút nhân tài vẫn chưa đạt được kỳ vọng. Đặc biệt, tỉnh vẫn chưa thu hút được nhiều nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là các Giáo sư và Phó Giáo sư. Một ví dụ điển hình là Nghị quyết 53/2022/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân tỉnh Vĩnh Long, ban hành chính sách phát triển nguồn nhân lực y tế giai đoạn 2022-2026. Mặc dù đã thực hiện chính sách này trong năm 2023, tỉnh chỉ thu hút được 31 bác sĩ, cử nhân điều dưỡng, xét nghiệm, kỹ thuật hình ảnh y học, cùng với 12 trường hợp từ các tỉnh khác được tăng cường về tỉnh. Đồng thời, tỉnh cũng đã đưa đi đào tạo 78 trường hợp và thực hiện các chính sách đãi ngộ như hỗ trợ tiền thuê nhà với tổng kinh phí hơn 16 tỷ đồng (Tuấn, 2024).

**5. Một số đề xuất nhằm phát triển nguồn nhân lực đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030**

Từ những thực trạng trên, để đạt được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tỉnh Vĩnh Long cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp thiết thực nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh. Trong đó, trọng tâm cần tập trung vào ba nhóm giải pháp chính: đầu tư đào tạo tại chỗ, chính sách thu hút nhân tài, và liên kết đào tạo nguồn nhân lực.

*Thứ nhất,* để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tỉnh Vĩnh Long cần tập trung vào chiến lược đào tạo tại chỗ như một giải pháp quan trọng và bền vững. Đây không chỉ là phương thức hiệu quả để giảm chi phí học tập cho sinh viên, mà còn tạo ra cơ hội việc làm ngay tại địa phương, góp phần hạn chế tình trạng “chảy máu chất xám” ra các thành phố lớn. Tuy nhiên, để bảo đảm chất lượng đào tạo, tỉnh cần có sự đầu tư mạnh mẽ vào cơ sở hạ tầng giáo dục, cải tiến chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy và ứng dụng công nghệ thông tin, từ đó hình thành môi trường học tập năng động, sáng tạo. Các ngành đào tạo phải được gắn kết chặt chẽ với nhu cầu thực tế của thị trường lao động, đặc biệt trong các lĩnh vực chủ chốt như nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghiệp hỗ trợ, du lịch sinh thái và năng lượng tái tạo, qua đó phục vụ trực tiếp cho sự phát triển bền vững của tỉnh.

Mặt khác, để thu hút học sinh giỏi và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tại tỉnh Vĩnh Long, tỉnh cần triển khai các chính sách cụ thể nhằm tạo động lực học tập và ở lại làm việc tại địa phương. Điển hình như, tỉnh có thể cung cấp các học bổng toàn phần và bán phần cho học sinh xuất sắc, đặc biệt là các học bổng cho các ngành mũi nhọn như nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghệ thông tin, du lịch sinh thái và năng lượng tái tạo, giúp giảm gánh nặng tài chính cho gia đình và khuyến khích học sinh học tại các trường đại học trong tỉnh. Các chính sách ưu đãi về học phí cho học sinh giỏi hoặc có hoàn cảnh khó khăn cũng cần được triển khai, cùng với cam kết tạo cơ hội việc làm sau tốt nghiệp thông qua hợp tác với doanh nghiệp địa phương. Đồng thời, tỉnh cũng cần phát triển các chương trình hợp tác giữa trường học và doanh nghiệp, cung cấp cơ hội thực tập cho sinh viên để giúp họ tích lũy kinh nghiệm thực tế. Đầu tư vào ký túc xá giá rẻ, các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cũng là những yếu tố quan trọng để tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh, sinh viên học tập và sinh sống tại địa phương, từ đó giữ chân họ và đóng góp vào sự phát triển bền vững của tỉnh.

*Hai là,* Vĩnh Long cần xây dựng và ban hành các cơ chế chính sách đặc thù, đồng bộ và hiệu quả nhằm thu hút nhân tài và nguồn nhân lực chất lượng cao. Trước hết, các chính sách này không chỉ tập trung vào chế độ đãi ngộ mà còn phải tạo dựng một môi trường làm việc hấp dẫn, giúp người lao động cảm thấy gắn bó lâu dài với địa phương. Đồng thời, các ưu đãi thiết thực như hỗ trợ nhà ở, hỗ trợ tài chính, và các điều kiện thuận lợi cho các lĩnh vực chiến lược như công nghệ cao, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch, và năng lượng tái tạo sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút lực lượng lao động tay nghề cao đến làm việc.

*Cuối cùng,* để phát triển bền vững nguồn nhân lực chất lượng cao tại tỉnh Vĩnh Long, việc xây dựng một mối quan hệ đối tác chiến lược với ĐHQG-HCM là một yếu tố then chốt. Cụ thể, tỉnh Vĩnh Long và ĐHQG-HCM có thể thảo luận và ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác về việc thiết lập chương trình liên kết và trao đổi học tập, tạo điều kiện cho sinh viên ưu tú, xuất sắc của tỉnh có cơ hội học tập tại các trường đại học thành viên của ĐHQG-HCM. Đồng thời, tỉnh cần triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên xuất sắc khi theo học các ngành ưu tiên tại ĐHQG-HCM. Những ngành này phải được lựa chọn căn cứ vào nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, như công nghệ thông tin, nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo và các ngành mũi nhọn khác, qua đó đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao. Chính sách này không chỉ tạo cơ hội cho học sinh, sinh viên Vĩnh Long tiếp cận môi trường học thuật tiên tiến, đồng bộ và hiện đại mà còn giúp họ mở rộng cơ hội nghề nghiệp trong các lĩnh vực trọng yếu của tỉnh. Sau khi hoàn thành chương trình học, sinh viên có thể trở về và đóng góp vào sự phát triển bền vững của tỉnh, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Ngoài ra, Tỉnh Vĩnh Long cần thiết lập cơ chế tháo gỡ các rào cản, tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục của tỉnh được cử đi học, nâng cao trình độ tại các trường thành viên của ĐHQG-HCM, cả trong ngắn hạn và dài hạn. Việc này sẽ giúp họ tiếp cận các phương pháp giảng dạy hiện đại, nâng cao năng lực nghiên cứu và chuyên môn, từ đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tại các cơ sở giáo dục của tỉnh. Đây là một bước đi quan trọng để xây dựng đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu giảng dạy trong thời đại mới và góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh trong tương lai. Song song với đó, trong các trường hợp cần thiết, tỉnh Vĩnh Long có thể mời các chuyên gia, giảng viên của ĐHQG-HCM đến tổ chức các chương trình đào tạo ngắn hạn về các kiến thức, kỹ năng mới, phù hợp với nhu cầu phát triển lao động và nguồn nhân lực tại địa phương. Các chương trình đào tạo này không chỉ giúp nâng cao năng lực cho đội ngũ lao động tại chỗ mà còn giúp tỉnh Vĩnh Long nhanh chóng đáp ứng yêu cầu của các ngành nghề mũi nhọn, thúc đẩy sự phát triển bền vững và toàn diện trong tương lai.

 **Tài liệu tham khảo**

Niên giám thống kê Tỉnh Vĩnh Long (2024). NXB Thống kê.

Giang, P., & Tiến, T. (2023). *Giáo dục Vĩnh Long phát triển mạnh sau 10 năm đổi mới | Báo Giáo dục và Thời đại Online*. Trang Giáo Dục Thời Đại. https://giaoducthoidai.vn/giao-duc-vinh-long-phat-trien-manh-sau-10-nam-doi-moi-post646288.html

Tuấn, P. M. (2024). *Thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ ngành Y tế*. Trang Chính Sách và Cuộc Sống. htt

ps://chinhsachcuocsong.vnanet.vn/thu-hut-nguon-nhan-luc-chat-luong-cao-phuc-vu-nganh-y-te/35584.html

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (2011). NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 130.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016). Văn phòng Trung ương Đảng, tr. 90, 116.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (2021). NXB Chính trị quốc gia Sự thật, t. I, tr. 203 - 204, 232 – 233.

**SOME PROPOSALS FOR DEVELOPING HUMAN RESOURCES TO ACHIEVE VINH LONG PROVINCE’S ECONOMIC DEVELOPMENT GOALS BY 2030**

*Assoc. Prof., PhD Do Phu Tran Tinh*

**Abstract:**

Vinh Long Province is determined to become a hub for high-tech agriculture and ecological industries, one of the key agricultural economic centers, and an economic driving force of the Mekong Delta region by 2030. The province aims to prioritize sectors such as high-tech agriculture, eco-tourism, trade, and food processing industries. To achieve this goal, the development of high-quality human resources plays a decisive role in ensuring success. This article will analyze the current state of human resources, the challenges in developing human resources in general, and high-quality human resources in particular, in the province. It will then propose solutions related to training, attracting, and developing high-quality human resources to meet the province's development objectives for 2030.

***Keywords:*** *human resources, economic development, Vinh Long Province.*